TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 02 - 2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ và Ông Phạm Minh Đức.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/02/2026 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên mở phiên toà công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03/11/2025, về việc "*tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXX - HNGĐ ngày 19/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Chu Minh Hải V,** sinh năm 1982. Trú tại: số F, TTH I, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người được ủy quyền giao nhận và nộp các văn bản, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc A, sinh năm 1977. Địa chỉ: Căn hộ A, Tòa S, khu đô thị V, xã G, Hà Nội.

2. Bị đơn: **Anh Đinh Đức H,** sinh năm 1982; Trú tại: đội A, tổ dân phố A, phường P, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Đinh Ngọc Bình A1. Người đại diện hợp pháp là chị V và anh H (là bố, mẹ đẻ);

4. Người làm chứng: ông Đinh Văn H1 sinh năm 1962. Trú tại: đội A, tổ dân phố A, phường P, tỉnh Hưng Yên.

" Tất cả đều vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày:

Chị Chu Minh Hải V và anh Đinh Đức H tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, nay là UBND phường P, tỉnh Hưng Yên năm 2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2013 anh H đi lao động tại Đài Loan, do một mình nuôi con, không quen khí hậu và cách sống ngoài miền B nên chị V đã mang con vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm ăn. Năm 2016, anh H về nước và làm việc tại tỉnh Hưng Yên, chị V và các con vẫn sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng nói chuyện vơi nhau qua điện thoại nhưng do tính cách không

hợp và có sự bất đồng về quan điểm và cách sống nên anh, chị ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan hệ qua lại, không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống của ai người đó tự lo. Vì vậy, chị V đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, cho ly hôn với anh H. Về con chung: Chị V, anh H có 02 con chung là Đinh Ngọc Gia H2, sinh ngày 15/4/2007 và Đinh Ngọc Bình A1, sinh ngày 15/9/2010, không có con riêng, con nuôi theo quy định pháp luật. Chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, anh chị tự thỏa thuận với nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Đức H trình bày: xác nhận về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn và mâu thuẫn như chị V trình bày. Do phong tục tập quán khác biệt, nên khi chị V về Hưng Yên sinh sống không hòa nhập được với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của gia đình chồng nên phát sinh mâu thuẫn với bố, mẹ chồng. Anh Hoạt động V1, phân tích nhưng chị V không nghe còn cho rằng anh H không bênh vực và đứng về phía chị V dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, giữa năm 2017 chị V mang các con về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, anh H vẫn sinh sống tại Hưng Yên. Từ năm 2017 đến nay, anh H không vào thăm chị V, thỉnh thoảng đón con về chơi và gửi tiền ăn học cho các con. Anh H xác định không còn tình cảm với chị V nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đinh Ngọc Gia H2, sinh ngày 15/4/2007 và Đinh Ngọc Bình A1, sinh ngày 15/9/2010, không có con riêng, con nuôi theo quy định pháp luật. Chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả các con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, anh H đồng ý, anh chị tự thỏa thuận với nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Đinh Ngọc Gia H2 và Đinh Ngọc Bình A1, trình bày tại Đơn đề nghị: Hiện nay đang ở với mẹ, được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, không muốn thay đổi môi trường sống nên muốn sinh sống cùng mẹ.

Ông Đinh Văn H1, là bố đẻ anh H trình bày: Năm 2016, chị V về sinh sống cùng gia đình ông, do khác biệt về văn hóa, phong tục vùng miền nên không hòa nhập được với cuộc sống gia đình chồng nên anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2017 chị V mang con về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống từ đó đến nay, không quan tâm đến anh H và gia đình ông, nay anh chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không thực hiện được việc hòa giải do chị V đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá

trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại Điều 225, từ Điều 227 đến Điều 229, Điều 234, Điều 238, Điều 239, Điều 247 đến Điều 258, Điều 260 đến Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP TANDTC; Tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị V và anh H. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Đinh Ngọc Gia H2, sinh ngày 15/4/2007 và Đinh Ngọc Bình A1, sinh ngày 15/9/2010. Cháu Gia H2 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đưng sự giao cháu Bình A1 cho chị V nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung: đương sự không đề nghị nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Hôn nhân của chị Chu Minh Hải V và anh Đinh Đức H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Do chung sống không hạnh phúc nên chị V đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, hiện nay anh H đăng ký thường trú tại phường P, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là *"Tranh chấp ly hôn"*.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng, HĐXX thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định chị V và anh H chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là có sự khác biệt về văn hóa vùng miền, khi về chung sống cùng chồng và gia đình chồng chị V không hòa nhập được với cuộc sống của gia đình chồng ngoài B. Bên cạnh đó, anh H có thời gian đi lao động tại Đài Loan từ năm 2013 đến năm 2016, chị V đã mang 02 con về miền N sinh sống và không trở về gia đình anh H. Chị V và anh H đều không có giải pháp khắc phục, cộng thêm khoảng cách địa lý càng làm cho quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị V mờ nhạt, không còn quan tâm, chia sẻ. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị V từ chối hòa giải. Anh H đồng ý ly hôn với chị

V do xác định không còn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình và NQ số 01/2024/NQ – HĐTP TANDTC công nhận thuận tình ly hôn giữa chị V và anh H.

2.2. Về con chung: Chị V, anh H có 02 con chung là Đinh Ngọc Gia H2, sinh ngày 15/4/2007 và Đinh Ngọc Bình A1, sinh ngày 15/9/2010, không có con riêng, con nuôi theo quy định pháp luật. Cháu Gia H2 đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Khi ly hôn các đương sự đều nhất trí giao cháu Bình A1 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đền khi đủ 18 tuổi và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3].Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP TANDTC ngày 16/5/2024, nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị V và anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 3, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP TANDTC ngày 16/5/2024.

***Tuyên xử*:**

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Chu Minh Hải V và anh Đinh Đức H.

2 Về con chung: : Chị V, anh H có 02 con chung là Đinh Ngọc Gia H2, sinh ngày 15/4/2007 và Đinh Ngọc Bình A1, sinh ngày 15/9/2010, không có con riêng, con nuôi theo quy định pháp luật. Cháu Gia H2 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện các đương sự, giao cháu Bình A1 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị V và gia đình không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, chị V, anh H hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Chu Minh Hải V và anh Đinh Đức H, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí sơ thẩm.

Chị V được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002823 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị V đã nộp đủ án phí, hoàn trả cho chị V số tiền thừa là 225.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị V và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận.
- Các đương sự;
- VKSND KV1- Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án KV 1 - HY;
- UBND phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 01/2006 ngày 19/3/2006 do UBND xã Liên Phương cấp)
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thúy Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hệ **Phạm Minh Đức** **Đào Thúy Hà**